

UBND TP. BIÊN HÒA  
HỘI CHỮ THẬP ĐỎ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 56/QĐ-CTĐBH

Biên Hòa, ngày 24 tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

V/v Công bố công khai dự toán bổ sung chi ngân sách năm 2024  
Hội Chữ thập đỏ thành phố Biên Hòa

### BAN THƯỜNG VỤ HỘI CHỮ THẬP ĐỎ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 (lần 4) của UBND thành phố Biên Hòa số 6744/QĐ-UBND ngày 24/12/2024.

## QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024 của Hội Chữ thập đỏ TP Biên Hòa (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Toàn thể cán bộ cơ quan Hội Chữ thập đỏ TP Biên Hòa thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND TP Biên Hòa
- Phòng TCKH TP
- Lưu: VT.

TM. BAN THƯỜNG VỤ  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Tuấn

**BIÊN BẢN****Về việc niêm yết công khai dự toán ngân sách bổ sung năm 2024**

Hôm nay lúc 13h30 ngày 24 tháng 12 năm 2024 tại Văn phòng Hội Chữ thập đỏ thành phố Biên Hòa tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc niêm yết công khai về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024

Thành phần tham dự:

- |                         |                                   |
|-------------------------|-----------------------------------|
| 1 - Ông Nguyễn Hữu Tuấn | : Chủ tịch Hội                    |
| 2 - Bà Đặng Thị Phương  | : Phó Chủ tịch Hội, Chủ tịch CĐCS |
| 3 - Bà Đặng Ngọc Tuyền  | : Kế toán                         |
| 4 - Ông Trần Xuân Kính  | : Thủ quỹ                         |
| 5 - Bà Vũ Thị Hương     | : Nhân viên                       |
- + Chủ trì cuộc họp: Ông Nguyễn Hữu Tuấn  
+ Thư ký biên bản: Bà Đặng Ngọc Tuyền

**Nội dung:**

1. Công khai về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Hội Chữ thập đỏ thành phố Biên Hòa.

2. Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc niêm yết công khai về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024.

Địa điểm niêm yết: Văn phòng Hội Chữ thập đỏ thành phố Biên Hòa

Thời gian niêm yết: Bắt đầu từ ngày 24/12/2024

Hồ sơ niêm yết: Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 (lần 4) của UBND thành phố Biên Hòa số 6744/QĐ-UBND ngày 24/12/2024.

\* Mọi thông tin, phản ánh liên quan đến nội dung Bản công khai dự toán điều chỉnh, bổ sung năm 2024 (nếu có) xin liên hệ gặp Bà Đặng Ngọc Tuyền, kế toán.

\* Giao trách nhiệm cho ông Trần Xuân Kính, phụ trách văn phòng theo dõi, bảo quản hồ sơ niêm yết.

Biên bản được lập xong lúc 15h00 cùng ngày. Biên bản đã được thông qua cuộc họp và được mọi người nhất trí 100%.

Thư ký

**Đặng Ngọc Tuyền**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**Nguyễn Hữu Tuấn**

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018  
của Bộ Tài chính

Đơn vị: Hội Chữ thập đỏ Thành phố Biên Hòa  
Chương: 717

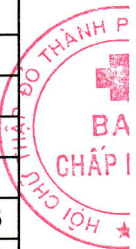
**DỰ TOÁN BỔ SUNG THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 56/QĐ-CTĐBH ngày 24/12/2024 của Hội CTĐ TP Biên Hòa)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

| Số TT      | Nội dung                                                | Dự toán được giao |
|------------|---------------------------------------------------------|-------------------|
| 1          | 2                                                       | 3                 |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>      | <b>-</b>          |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                               |                   |
| 1          | Lệ phí                                                  |                   |
|            | Lệ phí...                                               |                   |
|            | Lệ phí...                                               |                   |
| 2          | Phí                                                     |                   |
|            | Phí ...                                                 |                   |
|            | Phí ...                                                 |                   |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                 |                   |
| <b>I</b>   | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                               |                   |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |                   |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                        |                   |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                  |                   |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>            |                   |
| <b>I</b>   | <b>Lệ phí</b>                                           |                   |
|            | Lệ phí...                                               |                   |
|            | Lệ phí...                                               |                   |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                              |                   |
|            | Phí ...                                                 |                   |
|            | Phí ...                                                 |                   |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                   | <b>57,533</b>     |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                       | <b>57,533</b>     |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           | <b>57,533</b>     |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                        |                   |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                  | <b>57,533</b>     |
| 1.2.1      | Thanh toán cá nhân                                      | -                 |
| 1.2.2      | Kinh phí hoạt động thường xuyên                         | -                 |
| 1.2.3      | Kinh phí tổ chức Lễ tôn vinh người hiến máu tình nguyện | 29,275            |
| 1.2.4      | Kinh phí cứu trợ lũ lụt                                 | 28,258            |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |                   |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ          |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia              |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ                    |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở                 |                   |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng           |                   |
| 2.3        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |                   |



| Số TT     | Nội dung                                                | Dự toán được giao |
|-----------|---------------------------------------------------------|-------------------|
| 3.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 3.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |                   |
| 4.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 4.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |                   |
| 5.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 5.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |                   |
| 6.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 6.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |                   |
| 7.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 7.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |                   |
| 8.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 8.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |                   |
| 9.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 9.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |                   |
| 10.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 10.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                               |                   |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |                   |
| 1.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 1.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |                   |
| 2.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 2.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |                   |
| 3.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 3.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |                   |
| 4.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 4.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |                   |
| 5.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 5.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |                   |
| 6.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 6.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |                   |
| 7.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 7.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |                   |
| 8.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 8.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |                   |

| Số TT      | Nội dung                                                | Dự toán được giao |
|------------|---------------------------------------------------------|-------------------|
| 9.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 9.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |                   |
| 10.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 10.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                          |                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |                   |
| 1.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 1.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |                   |
| 2.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 2.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |                   |
| 3.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 3.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |                   |
| 4.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 4.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |                   |
| 5.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 2.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |                   |
| 6.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 6.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |                   |
| 7.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 7.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |                   |
| 8.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 8.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |                   |
| 9.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 9.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |                   |
| 10.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 10.2       | Dự án B                                                 |                   |

Biên Hòa, ngày 24 tháng 12 năm 2024

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

Người lập

*[Signature]*

*Đặng Ngọc Huyền*



*Nguyễn Hữu Tuấn*

Số: 6744/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 24 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024 (lần 4)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-STC ngày 17/12/2024 của Sở Tài chính về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2024 (đợt 2).

Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách Nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024 trên địa bàn thành phố Biên Hòa (lần 4);

Theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 8273/TTr-TCKH ngày 24/12/2024 về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024 (lần 4).

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách cho các Phòng, Ban, Đoàn thể, Hội, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thành phố Biên Hòa, Văn phòng Thành ủy Biên Hòa, Công an thành phố và Ban Chỉ huy quân sự thành phố Biên Hòa năm 2024 (lần 4), (phân bổ nội dung cụ thể theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán điều chỉnh, bổ sung chi ngân sách năm 2024 (lần 4) được giao, đề nghị Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố Biên Hòa, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này và Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- TT.Thành ủy BH;
- TT.HĐND TPBH;
- CT, các PCT/UBND TP;
- Chánh, Phó VP.HĐND-UBND TP;
- Lưu VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vũ Quốc Thái**

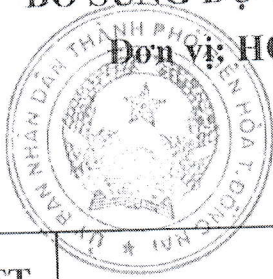
**PHỤ LỤC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~6744~~ /QĐ-UBND ngày ~~14~~ tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Biên Hòa)

**BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

**Đơn vị: HỘI CHỮ THẬP ĐỎ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

**Mã số: 1063834**



Đơn vị tính: đồng

| STT   | Nội dung                                                | Tổng số    |
|-------|---------------------------------------------------------|------------|
| 1     | 2                                                       | 3          |
| I     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:            | 0          |
| II    | Dự toán chi ngân sách nhà nước                          | 57.533.000 |
| 1     | Chi quản lý hành chính:                                 | 57.533.000 |
| 1.1   | Kinh phí không thực hiện tự chủ :                       | 57.533.000 |
| 1.1.1 | Thanh toán cá nhân:                                     | 0          |
| 1.1.2 | Kinh phí hoạt động thường xuyên                         | 0          |
| 1.1.3 | Kinh phí tổ chức Lễ tôn vinh người hiến máu tình nguyện | 29.275.000 |
| 1.1.4 | Kinh phí cứu trợ lũ lụt                                 | 28.258.000 |
|       |                                                         |            |